

Bản án số: 29/2021/HSST
Ngày 19/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hân

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chúc

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thứ, thư ký Tòa án nhân dân huyện QV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2020/HSST ngày 23 tháng 12 năm 2020 T quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện QV, đối với bị cáo:

Lương Minh H, sinh năm 1999; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn Quỳnh, xã TH, huyện HL, tỉnh CB; Nghề nghiệp: Lao động tự do; H vắn: 12/12; Dân tộc: Nùng; Con ông Lương Văn V và con bà Hoàng Thị H; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh BN. Có mặt tại phiên tòa.

***. Người bị hại:**

1. Chị Vi Thị T, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản NP, xã Mường H, huyện QP, tỉnh NA

Tạm trú: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

2. Anh Lù A T, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn NT, xã NB, huyện MV, tỉnh HG.

Tạm trú: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

3. Anh Trần Văn V, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐV, huyện TĐ, tỉnh LS.

Tạm trú: Thôn DN, xã PL, huyện QV, tỉnh BN.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã ND, huyện TD, tỉnh BN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

T các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 20/9/2020, H mang T bộ vam phá khóa gồm: 02 mũi vam bằng kim loại một đầu bẹt, một đầu lục giác kích thước 7cm; 01 tay công hình chữ T bằng kim loại kích thước 8 x 12 cm đi bộ một mình từ cổng làng thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN vào trong làng mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến cửa hàng làm tóc của chị Lưu Thị Toàn, H thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS: 37F1 – 159.83 của chị T đang dựng ở trong sân cạnh quán làm tóc, H quan sát xung quanh thấy không có ai, H tiến lại gần chiếc xe, lấy từ trong ví quần phía trước bên phải ra bộ vam phá khóa. H cắm mũi vam vào ổ khóa điện rồi cầm tay công và đầu vam còn lại vặn mạnh T chiều kim đồng hồ thì thấy đèn điện của xe mô tô sáng. Sau khi mở được ổ khóa điện của xe, H cất bộ vam phá khóa vào ví quần, nổ máy xe đi ra đường Quốc lộ 18. Khi đi đến đầu làng thôn GL, H dừng xe lại dùng bộ vam phá khóa mở cốp xe vừa trộm cắp được thấy bên trong cốp xe có giấy đăng ký của xe mô tô, H lấy giấy đăng ký xe cất vào ví quần phía sau rồi điều khiển xe đi đến cửa hàng mua bán xe mô tô ở thôn Do Nha, xã PL, huyện QV, tỉnh BN của anh Nông Văn Trọng, sinh năm 1992, HKTT: Thôn Làng Trang, xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Khi đến quán, gặp anh Trọng, H nói với anh Trọng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS: 37F1 – 159.83 là xe chính chủ của H, có giấy tờ đăng ký xe nhưng trên đường đi đến quán đã bị rơi mất, H muốn bán chiếc xe đó. Do không có giấy tờ xe nên anh Tr không mua xe của H, anh Trọng bảo H quay lại tìm giấy tờ xe. H đi tìm giấy tờ xe nhưng không thấy, khoảng 30 phút sau, H quay lại cửa hàng của anh Trọng. Tại cửa hàng, H gặp anh Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1982, HKTT: Thôn ĐC, xã ND, huyện TD, tỉnh BN (là người Trọng giới thiệu để mua xe của H). H nói với anh Đ muốn bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS: 37F1 – 159.83, đó là xe chính chủ của H và sẽ gửi giấy tờ xe cho anh Đ sau, Anh Đ đồng ý mua chiếc xe đó và đưa 3.000.000 đồng cho H. H cầm tiền rồi tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 93/KL-ĐGTS ngày 13/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện QV kết luận: “*Giá trị của 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS: 37F1 – 159.83, số khung RLHJA3901HY620021, số máy JA39E0595188, mới mua tháng 6/2018 đã qua sử dụng trên thị trường huyện QV tại thời điểm được yêu cầu định giá là 12.000.000 đồng*”.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Lương Minh H khai nhận trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2020 H còn thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 30/8/2020, H mang T bộ vam phá khóa đi bộ một mình tại khu vực thôn Do Nha, xã PL, huyện QV, tỉnh BN mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị Thành – sinh năm 1969 ở thôn Do Nha, xã PL, huyện QV, tỉnh BN, H thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, đen, BKS: 12 T1 – 093.29 của anh Trần Văn V – sinh năm 1994, HKTT: Thôn 2, xã ĐV, huyện TĐ, tỉnh LS đang dựng ở sân của

khu nhà trọ, H quan sát xung quanh thấy không có ai, H tiến lại gần chiếc xe mô tô dùng bộ vạm phá khóa mở ổ khóa điện của xe. Sau khi mở được ổ khóa điện xe, H điều khiển xe mô tô đi về khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang bán cho người đàn ông không quen biết được 3.000.000 đồng. Số tiền trên H đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 21/10/2020 anh Trần Văn V làm đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện QV về việc anh bị mất trộm xe mô tô.

Tại bản kết luận định giá 95/KL-ĐGTS ngày 22/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện QV kết luận: “*Giá trị của 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, đen, BKS: 12 T1 – 093.29, số khung C6K0FY196900, số máy 5C6K196910, mới mua tháng 2/2017 đã qua sử dụng trên thị trường huyện QV tại thời điểm được yêu cầu định giá là 10.700.000 đồng*”.

- **Vụ thứ hai:** Khoảng 14 giờ ngày 17/9/2020, H mang T bộ vạm phá khóa đi bộ một mình tại khu vực thôn GL, xã PL huyện QV, tỉnh BN mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu nhà trọ của chị Nguyễn Thị Phương – sinh năm 1985, HKTT: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN, H thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu trắng, đen, bạc, BKS: 23B1 – 606.04 của anh Lù A T – sinh năm 1997, HKTT: Thôn NT, xã NB, huyện MV, tỉnh HG đang dựng ở sân khu nhà trọ, quan sát xung quanh thấy không có ai, H tiến lại gần chiếc xe mô tô dùng bộ vạm phá khóa mở ổ khóa điện của xe. Sau khi mở được ổ khóa điện xe, H điều khiển xe mô tô đi đến khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang bán chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được cho người đàn ông không quen biết được 3.000.000 đồng. Số tiền trên H đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 20/10/2020, anh Lù A T làm đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện QV về việc anh bị mất trộm xe mô tô.

Tại bản kết luận định giá 94/KL-ĐGTS ngày 22/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện QV kết luận: “*Giá trị của 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu trắng, đen, bạc, BKS: 23B1 – 606.04, số khung 3912LY20369, số máy JA39E154158, mới mua tháng 7/2020 đã qua sử dụng trên thị trường huyện QV tại thời điểm được yêu cầu định giá là 18.500.000 đồng*”.

Về vật chứng:

Ngày 13/10/2020, anh Nguyễn Viết Đ giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS: 37F1 – 159.83, số khung RLHJA3901HY620021, số máy JA39E0595188 cho Cơ quan CSĐT Công an huyện QV. Quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Vi Thị T. Ngày 16/11/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện QV đã trả lại chiếc xe cho chị T. Đối với giấy đăng ký xe mô tô của chị T hiện chưa thu hồi được, chị T không yêu cầu bồi thường.

Đối với tài sản, đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan CSĐT Công an huyện QV sẽ chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện QV để bảo quản và xử lý T quy định của pháp luật.

Về dân sự: Chị Vi Thị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu H phải bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, đen, bạc BKS: 23 B1 – 606.04 của anh Lù A T và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng,

đen, BKS: 12 T1 – 093.29 của anh Trần Văn V hiện chưa thu hồi được, anh T và anh V yêu cầu H phải bồi thường giá trị chiếc xe T Kết luận định giá tài sản.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà anh Đ bỏ ra để mua xe của H, anh Đ không yêu cầu H bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Lương Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSQV ngày 22/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QV truy tố Lương Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” T quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lương Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i,r,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lương Minh H từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 12/10/2020.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự:

Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

+ Buộc Lương Minh H bồi thường cho anh Lù A T và anh Trần Văn V tài sản chiếm đoạt: Cụ thể: Bồi thường cho anh Lù A T giá trị chiếc xe là 18.500.000đ; Bồi thường cho anh Trần Văn V giá trị chiếc xe là 10.700.000đ.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 02 mũi văm bằng kim loại một đầu bẹt, một đầu lục giác kích thước 7cm; 01 tay công hình chữ T bằng kim loại kích thước 8 x 12 cm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST T quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội không tham gia tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/8/2020 đến ngày 20/9/2020, Lương Minh H đã thực hiện 03 lần trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện QV, tỉnh BN. Cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Khoảng 17 giờ, ngày 30/8/2020, lợi dụng sơ hở của anh Trần Văn V, H đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, đen, BKS: 12 T1 – 093.29 trị giá 10.700.000 đồng của anh V khi anh dựng xe ở sân

khu nhà trọ tại thôn Do Nha, xã PL, huyện QV, tỉnh BN. Chiếc xe trên H đã bán cho người đàn ông không quen biết ở khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang với giá 3.000.000 đồng, hiện tài sản chưa thu hồi được.

- *Vụ thứ hai:* Khoảng 14 giờ, ngày 17/9/2020, lợi dụng sơ hở của anh Lù A T, H đã lén lút trộm cắp chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, đen, bạc BKS: 23 B1 – 606.04 trị giá 18.500.000 đồng của anh T khi anh dựng xe ở sân khu nhà trọ tại thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN. Chiếc xe trên H đã bán cho người đàn ông không quen biết ở khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang với giá 3.000.000 đồng, hiện tài sản chưa thu hồi được.

- *Vụ thứ ba:* Khoảng 15 giờ, ngày 20/9/2020, lợi dụng sơ hở của chị Vi Thị T, H đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS: 37F1 – 159.83 trị giá 12.000.000 đồng của chị T khi chị để xe ở sân của cửa hàng làm tóc tại thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN. Sau khi trộm cắp được, H đã bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Viết Đ với giá 3.000.000 đồng. Chiếc xe trên hiện đã được thu hồi và trả cho bị hại.

Tổng giá trị tài sản H 03 lần trộm cắp là: 41.200.000 đồng

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ được cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận Lương Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” T khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành nhưng không chịu lao động mà muốn được hưởng lợi từ thành quả lao động của người khác để thỏa mãn nhu cầu của mình. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, vì mục đích vụ lợi. Do vậy, cần thiết phải xử bị cáo mức án nghiêm trọng xứng với hành vi của bị cáo.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tới cơ quan Công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ T quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự T đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” T điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng nhưng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính giáo dục bị cáo nói riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

- Trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị Vi Thị T hiện đã được thu hồi và trả cho người bị hại. Chị T nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Đối với đăng ký xe mô tô của chị T mặc dù chưa thu hồi được nhưng chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Đối với 02 chiếc xe mô tô, bị cáo chiếm đoạt của anh Trần Văn V và Lò A T hiện tại chưa thu hồi được. Anh Trần Văn V và anh Lò A T yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt như giá trị tài sản đã được Hội đồng định giá. Do vậy, cần buộc bị cáo Lương Minh H phải bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt cho anh Trần Văn V là 10.700.000đ và anh Lò A T là 18.500.000đ.

Đối với số tiền 3.000.000đ anh Nguyễn Viết Đ trả cho H tiền mua xe. Anh Đ không yêu cầu H phải trả lại cho anh số tiền này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đối với 02 mũi văm bằng kim loại, một đầu bẹt, một đầu lục giác kích thước 7 cm; 01 tay công hình chữ T bằng kim loại kích thước 8 x 12 cm là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với anh Nông Văn Trọng là người giới thiệu cho anh Nguyễn Viết Đ mua xe trộm cắp của H. Anh Trọng và Anh Đ không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS: 37F1 – 159.83 do H trộm cắp mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QV không xử lý đối với anh Trọng và anh Đ là phù hợp.

Đối với người đàn ông ở khu công nghiệp Đình Trám, Bắc Giang là người mua xe trộm cắp của H (*T lời khai của H*), H không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người đàn ông đó ở đâu. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện QV tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ đề nghị xử lý sau.

Đối với người đàn ông đã bán cho H bộ văm phá khóa trên mạng xã hội Facebook (*T lời khai của H*), H không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể và không nhớ tên nick facebook của người đàn ông đó. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện QV tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ đề nghị xử lý sau.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm T quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lương Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Lương Minh H 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 12/10/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn V giá trị chiếc xe là 10.700.000đ; Bồi thường cho anh Lù A T giá trị chiếc xe là 18.500.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 02 mũi văm bằng kim loại, một đầu bẹt, một đầu lục giác kích thước 7 cm; 01 tay công hình chữ T bằng kim loại kích thước 8 x 12 cm.

(T biên bản bàn giao vật chứng ngày 24/12/2020 giữa Công an huyện QV và Chi cục thi hành án dân sự huyện QV)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lương Minh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.460.000đ án phí DSST.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng Đ bản án.

- Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho tới khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án T mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành T quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án T quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện T quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh, VKS tỉnh BN;
- Trại tạm giam công an tỉnh BN;
- Sở Tư pháp BN;
- Viện kiểm sát, Công an huyện QV;
- Thi hành án huyện QV;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Liên